

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ - ST
Ngày 26/12/2017
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dân
2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã M, huyện T, Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Đỗ Phát T, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Công ty TNHH Vsố 10, đường số 6, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Phát T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2014 tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 5/2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp, quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù chị đã cố gắng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Tháng 5 năm 2015 anh T vào Nam sinh sống làm ăn. Chị và anh T sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung Đỗ Thị Ngọc C, sinh ngày 28/5/2014 đang ở với chị S, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, nhưng đến bản tự khai đề ngày 18/10/2017 chị xét thấy chị có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương, ngày 20/11/2017 bị đơn anh Đỗ Phát T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị S đều làm công nhân tại khu công nghiệp S (tỉnh Bình Dương). Anh, chị xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu 1 tháng sau đó thuê phòng trọ tại Bình Dương chung sống với nhau như vợ chồng. Ngày 06/10/2013 tổ chức lễ cưới. Tháng 5/2014 chị S sinh con, còn mình anh đi làm lương mỗi tháng 3.000.000đ. Hết thời kỳ nghỉ sinh mẹ anh vào giữ cháu cho chị S đi làm. Chị đi làm được 1 tháng rồi bỏ việc cho rằng lương thấp. Chị đã nộp đơn đến nhiều công ty khác nhưng chị vẫn không đi làm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, đồng lương của anh không đủ trang trải cho cả gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Mẹ anh T phải về quê. Sau khi chị lấy được tiền thai sản, chị đã tự ý đưa con đến phòng trọ của người em trai chị ở một thời gian rồi đưa con về quê sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Tháng 8/2015 anh xin nghỉ phép 11 ngày về làm giỗ bố, vợ chồng đã quay về đoàn tụ. Hết phép anh trở vào Bình Dương đi làm còn mẹ con chị S ở nhà được hơn 1 tháng chị lại bế con đi. Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 9 năm 2015. Nguyên vọng của anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn và anh có đơn xin giải quyết vắng mặt

Về con chung: Anh thống nhất như chị S đã trình bày vợ chồng có 1 con chung và đồng ý giao con cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng 300.000đ kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị S yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ thời gian tính từ tháng 12/2017.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh T tình có đơn xin vắng mặt nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn anh T. Về con: Giao cháu C cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: Chị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị S và anh Đỗ Phát T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Anh, chị đã sống ly thân hơn 02 năm không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Nay chị Sen xin được ly hôn anh T. Về phía anh T cũng đồng ý nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị S và anh T có 01 con chung Đỗ Thị Ngọc C, sinh ngày 28/5/2014 đang ở với chị S, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị S xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ. Về phía anh T đồng ý giao con cho chị S trực tiếp nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000đ. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận nuôi con sau ly hôn của các bên

đương sự là phù hợp nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con căn cứ vào điều kiện thực tế hiện nay của mỗi bên và để có điều kiện cho con trẻ phát triển sau khi bố mẹ ly hôn, HĐXX thấy yêu cầu của chị S có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung*: Chị S, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Chị S khởi kiện vụ án ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị S được ly hôn Đỗ Phát T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Đỗ Thị Ngọc C, sinh ngày 28/5/2014; anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung*: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006490 ngày 10/10/2017; chấp nhận chị S nộp đủ án phí. Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị S vắng mặt anh T. Chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị

cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Minh Khôi;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tình